

Bản án số: 75/2022/HSST

Ngày: 21/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trung Thành

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 475/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1990, tại Bến Tre; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Số 82 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí L và bà Nguyễn Long P; có vợ Trần Thị L (đã ly hôn), có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 4/3 ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1995; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1993; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn TH, sinh năm: 1977; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm: 1991; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết ngoài xã hội, bị cáo Nguyễn Duy Đ được một thanh niên tên thường gọi là L không rõ nhân thân, lai lịch sử dụng điện thoại số 0707.223.228 nhờ Đ phụ L mua bán ma túy và được trả công nên Đ đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2022, L yêu cầu Đ đi giao ma túy cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch qua số điện thoại 0902.362.496 với số lượng 15 viên thuốc lắc và 1 hộp 10 Ketamine rồi thu về cho L số tiền 16.250.000 đồng, rồi L trả công cho Đ 200.000 đồng. Sau đó, người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch gọi điện thoại để Đ giao ma túy, Đ hẹn giao ma túy trước khách sạn S số 82 đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên người này đến trước sảnh khách sạn đợi Đ giao ma túy. Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 05 tháng 01 năm 2022, Đ điều khiển xe mô tô biển số: 60T2-5891 đến trước nhà số 6A đường T, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông sử dụng số điện thoại 0902.362.496 để giao bán ma túy thì bị cán bộ Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 1, Công an và bảo vệ tổ dân phố phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 là các ông Nguyễn Hữu K, Nguyễn Minh H, Nguyễn TH và Nguyễn Hoàng T phát hiện Đ có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên yêu cầu về Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 kiểm tra, làm rõ. Tại trụ sở Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, qua kiểm tra phát hiện trong lưng quần bên phải phía trước Đ đang mặc có 01 gói giấy màu vàng bên trong chứa 15 viên nén hình chữ nhật màu xám và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, Đ khai là ma túy nên tổ công tác thu giữ vật chứng, giao Đ cho Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thụ lý theo thẩm quyền. (Bút lục: 01-04)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, lời khai của Đ phù hợp với biên bản đối chất, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. (Bút lục số: 05-19)

Theo bản kết luận giám định số: 510/KLGD-MT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 gói được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Nguyễn Duy Đ và hình dấu Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, bên trong có một gói giấy màu vàng chứa:

- 15 viên nén hình chữ nhật màu xám là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 8,3564 gam, loại MDMA.

- Tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,8979 gam, loại Ketamine. (Bút lục số 76)

Bản cáo trạng số: 69/CT-VKSQ1 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù, phạt tiền bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số: 127/2022 (520/22), bên trong có một gói giấy màu vàng chứa 15 viên nén hình chữ nhật màu xám là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 8,3564 gam, loại MDMA; tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,8979 gam, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động, hiệu Iphone số Imei 1: 353730394427798, số Imei 2: 353730394489954 cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền 2.000.000 đồng cần trả lại bị cáo Đ.

- 01 xe mô tô biển số: 60T2-5891, số khung: Y-733150; số máy: E-0733200 cần tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tường trình, tờ tự khai, biên bản đối chất, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định,... nên có căn cứ để kết luận: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trước nhà số 6A đường T, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đ đã có hành vi đi giao ma túy cho L, với khối lượng 8,8979 gam, loại Ketamine và 8,3564 gam, loại MDMA cho người mua là một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nhằm hưởng lợi, rồi bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đ đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao. Tội phạm do bị cáo gây ra đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Bị cáo đủ nhận thức để biết rõ tác hại của ma túy nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài, lại lười lao động bị cáo đã mua bán ma túy nên cần có mức án nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp một khoản tiền nhất định để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Đối với người thanh niên tên L và đối tượng nhận mua ma túy của bị cáo Đ, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh làm rõ có cơ sở xử lý sau.

[8] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong ghi vụ số: 127/2022 (520/22) gói 1, bên trong có một gói giấy màu vàng chứa 15 viên nén hình chữ nhật màu xám là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 8,3564 gam, loại MDMA; tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,8979 gam, loại Ketamine (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) (mẫu vật còn lại sau khi sử dụng phục vụ công tác giám định) cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Iphone số Imei 1: 353730394427798, số Imei 2: 353730394489954 thu giữ của bị cáo Đ, bị cáo Đ khai sử dụng để liên lạc trong việc bán ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ, bị cáo khai đây là tiền của bị cáo. Xét, không liên quan đến vụ án cần xem xét để trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 xe mô tô biển số: 60T2-5891, số khung: Y-733150; số máy: E-0733200. Qua xác minh, xe của bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1969; trú tại: Số 4/3 ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ đứng tên Đ ký chủ sở hữu. Bà T khai năm 2007, bà đã bán xe cho một người không rõ nhân thân, lai lịch, khi bán không làm thủ tục sang tên, hiện không còn cất giữ giấy tờ liên quan và bà cũng không nhớ đã bán xe cho ai. Bị cáo Đ khai khoảng tháng 10 năm 2021, bị cáo mua xe trên của một người thanh niên tên C không rõ nhân thân, lai lịch để làm phương tiện đi lại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã Đ báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thông báo, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải nộp phạt số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Việc bị cáo Nguyễn Duy Đ nộp số tiền phạt nêu trên phải được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy gói 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số: 127/2022 (520/22) chứa chất ma túy.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 85/22-PNK ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone số Imei 1: 353730394427798, số Imei 2: 353730394489954.

Giao 01 (một) xe mô tô biển số: 60T2-5891, số khung: Y-733150; số máy: E-0733200 cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 80/22-PNK ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Trả lại bị cáo Nguyễn Duy Đ số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền đồng Việt Nam.

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 62/LNK-ĐCSMT ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 Năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Duy Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Mục I thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng tính lãi suất đối với các khoản tiền buộc nộp lại để sung vào ngân sách nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo Nguyễn Duy Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53 (CA Tp. HCM);
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người làm chứng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuấn

